

Chữ Nghĩa Tiếng Việt

Tô Hoài

Từ lúc mới cầm bút viết một câu muốn định cho nó là làm một biểu hiện nghệ thuật, thì trong người mình đã phải trải hai lần nghĩ. Một lần nghĩ ra cái ý ấy, một lần nắm lấy cái ý ấy mà tìm chữ nghĩa thế nào để đặt bút xuống. Nếu lại thảo qua loa việc bước đầu này thì chỉ có nghĩa là làm ào ào, làm ẩu.

Trong sáng tạo nghệ thuật, ta phải vượt qua tối thiểu hai lần sáng tạo. Thuở ban đầu không mấy ai có ý thức ấy. Nhưng dần dần về sau, viết càng quen, thì cả thói quen lẫn lương tâm ngồi bút đã tìm ra cái lần sáng tạo thứ hai. Từ khi biết như thế thì, việc tìm chữ nghĩa đối với tôi trở thành và cũng lại là những ham mê, những kích thích để có được thói quen mới. Cầm bút viết không lúc nào không lo. Làm sao cho mỗi chữ là một hạt ngọc trên trang bản thảo, hạt ngọc mới nhất, của ta tìm được, do phong cách văn chương của ta mà có được. Trang sách mà không có "ngọc", trang bản thảo không có chữ thần, không có tính hoa chữ thì cái hồn tác phẩm, từ tư tưởng đến nhân vật, tất cả, tất cả bao nhiêu ước mơ, khát khao ta gửi gắm vào sáng tác biết lấy gì mà sống được. Không có chữ ngon chữ bổ nuôi nó, trang viết gầy gù trông rỗng rồi chết héo. Nghĩ đến sáng tác nghèo nàn, còi cọc, bao giờ cũng giật mình. Từ đấy, tôi thành thói quen là đọc ai mà không nhặt được chữ hay trên trang sách của tác giả ấy thì hào hứng nhặt dần.

Chúng ta khẳng định văn học ta đương tiền những bước lớn. Nhưng những ai theo dõi văn học cách mạng cũng đều có thể thấy được văn học còn chưa theo kịp đời sống, mỗi giai đoạn đất nước và lịch sử cứ cuộn cuộn chuyển tiếp. Những người viết văn chúng ta, những người hằng ngày suy nghĩ về nghề, chúng ta nói: nếu thế thì tâm vóc đề tài, dáng dấp nhân vật của chúng ta tạo ra, dựng nên, mọi chữ nghĩa cũng như câu văn của ta xem ra còn thua xa, nó chưa đuổi kịp cái ý, cái cao vọng trong tác phẩm đầu. Trình độ người viết cũng như người đọc đều so le thế vậy.

Điều đó, không ngoa. Tôi xin kể vài ví dụ tình cờ.

Trước đây, có lần đi tham quan nhà máy Duyên Hải ở Hải Phòng, một người phụ trách nhà máy đã đứng tuổi, nói với anh Nguyễn Công Hoan: "Tôi là một độc giả trung thành của anh. Tất cả sáng tác của anh viết trước Cách mạng Tháng Tám tôi đã đọc hết. Còn từ ngày cách mạng, tôi không có thì giờ đọc tiểu thuyết nữa". Nếu là một con tính trừ, ta thấy anh ấy vì bận quá, đã không biết mặt mũi văn học từ năm 1945. Cũng có nghĩa là về những bước đi hiện đại của văn học, từ đây anh chỉ mang máng. Cũng sẽ nói không dè dặt là như thế thì tất nhiên sự hiểu biết và cảm thụ văn học của anh cũng dừng lại từ năm ấy, từ mấy mươi năm trước. Trong khi ấy thì tiếng nói của văn học cách mạng càng tỏ ra sức mạnh, ngôn ngữ văn học đã được kết tinh từ tiếng nói bình thường của mọi người, hình thành lớp lớp những tác phẩm, những thế hệ người cầm bút.

Cũng có thể nói sự không quan tâm của một lớp bạn đọc ấy còn do tiếng vang xa của tác phẩm văn học. Nhưng đó lại là một vấn đề khác.

Lại nói đến nhà trường. Cách mạng đã mấy mươi năm, mà gần đây, nhà trường phổ thông dạy văn học mới nhấn mạnh nội dung câu văn và hình thức câu văn là hai mặt của sự thể hiện và thế nào là một đoạn văn hay.

Lại nói đến nhà văn. Nói thì mát vui, nhưng thật chẳng thiếu người viết của chúng ta ngày nay chưa biết nghĩa của những chữ hóa vàng là gì, hương sư là gì, bùng cái quả đi sâu tết lại ngõ bùng cái quả gì thật. Và khi miêu tả dáng dấp hay hành động thích dùng chữ sần, chữ kịch liệt nhất: mặt hồ hời, cười rạn rờ, phong phú hết sức, đau đớn vô cùng... Tôi đã đọc một nhà viết truyện lịch sử kia, khi tả một người con hầu nước cha và bạn của cha, nhà văn viết: "Anh ta đem nước ra cho cha và ông bạn uống", dùng chữ như cách tả bè bạn ngồi uống nước với nhau. Không thiếu những người viết văn mới chỉ thuộc được những chữ chính những nghĩa, cơ bản của chữ, nhưng cũng dùng đại, bất chấp mọi khác biệt về ngữ cảnh.

Cái đó, người viết nghèo chữ nọ có thể đổ khuyết điểm cho Viện Văn học chưa xuất bản Việt Nam từ điển cho anh khảo chữ, Viện Văn học chưa tổ chức sưu tầm danh từ ngành nghề để giúp vốn cho anh làm giàu chữ. Những ý kiến ấy chưa biết đúng đến đâu, chỉ biết rằng một người viết văn có trách nhiệm không thể đổ tại cho những việc ấy được. Bởi vì đó là việc của mình, của con mắt và tấm lòng mình.

Các cụ nhà văn tiền bối của ta đã làm cả những việc mà ta chưa biết làm hoặc ta mới mon men làm. Ấy là công phu "văn ôn vũ luyện", ấy là cái đau thất bại hay cái thú thành công mỗi khi tìm được một chữ, một chữ hay, một chữ đắt các cụ cũng phải tìm cho được tri kỷ để cùng nhau ngâm nga thưởng thức.

Từ lúc chưa có ý thức, cho tới lúc có ý thức, chúng ta đã học chữ của Nguyễn Du. Chắc ai cũng đồng ý với tôi rằng nếu chữ nghĩa Truyện Kiều mà xoàng xĩnh thôi thì chắc Truyện Kiều, dù tư tưởng sâu xa đến đâu cũng chưa thể thành sách gối đầu giường của tất cả mọi người. Tôi càng phục tài học với sức sáng tạo của Nguyễn Du trong chữ nghĩa, khi tôi đọc đến câu thơ ông viết ông "ở trong ruộng bãi để học câu hát hay của người trồng dâu". Đó không phải là một câu nói bóng, mà đó là một tâm sự, một cách học chữ, hay là nói theo cách nói của chúng ta ngày nay: Nguyễn Du đã đi vào học lời ăn tiếng nói nhân dân, cơ sở sáng tạo ngôn ngữ của nhà thơ thiên tài đã dựa thẳng vào cái kho chữ bao la ấy.

Câu thơ Nguyễn Du Một vùng cỏ áy bóng tà ... Chữ "áy" tài đến độ, hay đến độ, dù ta không hiểu nghĩa, nó cũng hiện hình cảm giác về sự âm đạm lên. Cho đến năm trước, có dịp đi Thái Bình, về huyện Thái Ninh, tôi được nghe nói mới biết chữ "áy" là tiếng vùng này. Quê vợ Nguyễn Du ở Thái Bình, một thuở trời đất tao loạn Nguyễn Du đã về ẩn mình ở lâu đất Thái Bình. "Cỏ áy" có nghĩa là cỏ vàng úa vì bị hòn gạch, hòn đá lấp khuất, có nơi gọi là cỏ óm, là cỏ cóm. Tiếng "áy" địa phương đã vào văn chương Truyện Kiều và trở thành tuyệt vời.

Ví dụ nữa, ba chữ "bén duyên tơ" ở Truyện Kiều. Thông thường, ta hiểu "bén duyên" có thể gần gũi với câu tục ngữ "lửa gần rơm lâu ngày cũng bén". Nhưng không phải. Trong nghề ươm tơ, lúc tháo con tằm lấy tơ thì người ta ngâm tằm vào nồi nước nóng, rồi đem guồng ra vớt tơ lên quay vào guồng, lúc sợi tơ bắt đầu vào guồng, người nhà nghề gọi là tơ bén. Nếu chỉ viết "bén duyên" không thì còn có thể ngờ bén lửa chứ "bén duyên tơ" thì rõ ràng đại văn hào Nguyễn Du đã nghe, học, và sáng tạo trên cơ sở công việc người hái dâu chăn tằm. Nguyễn Du đã trau dồi ngôn ngữ, đêm ngày mài giũa chữ nghĩa kỳ khu biết chừng nào!

Và còn vô vàn tinh hoa xưa kia nữa.

Trong trường ca "Tự tình khúc", Cao Bá Nhạ viết:

Phút nửa khắc muôn vắn thê thảm
Trong một mình bảy tám biệt ly

... một mình bảy tám biệt ly. Ai có thể mới hơn Cao Bá Nhạ được!

Truyện Hoa Tiên miêu tả những đổi thay trong đời người bằng những "đã sương, đã khói" hiện đại như thơ hôm nay:

Nhớ ngày nào liễu mới giâm
Le te bên vũng độ tầm ngang vai
Chợt đâu bóng cả cảnh dài
Đã sương đã khói đã vài năm nay

Kết quả của sự sáng tạo cao nhất của ngôn ngữ không bao giờ đếm xia đến thời gian. Trước tiên và sau cùng, bao giờ và lúc nào nó cũng bắt vào nguồn trong sáng nhất của tiếng nói nhân dân.

Văn học của chúng ta, nói riêng về ngôn ngữ, phương hướng của nó là thúc đẩy chúng ta phải đuổi tới cái đích làm cho càng ngày càng trong ngần tiếng nói trong sáng tác. Chỉ khi nào tiếng nói nhân dân được chuốt đi, nâng lên, người đọc soi vào đấy thấy được bóng mình và tâm hồn mình, đó mới là ngôn ngữ hoàn chỉnh của ngôn ngữ văn học. Chúng ta phấn đấu cho mục đích ấy vì những lý lẽ của thực tế khách quan, vì những kinh nghiệm và truyền thống văn học dân tộc ta.

Tiếng nói bình thường được sáng tạo lại, trau chuốt và gai góc, nhuần nhị và hùng vĩ, với bao nhiêu dáng vẻ nữa, đã tới được địa vị cao quý trên khắp trần địa văn học, ở mọi thể loại, từ báo chí đến thơ, đến văn xuôi và sân khấu, điện ảnh. Chúng ta phải nắm vững khâu chủ yếu, phấn đấu bảo vệ và phát huy sự trong sáng tiếng nói bình thường trong ngôn ngữ văn học.

Có lẽ cái còn sót lại lớn nhất là sự chưa thấu đáo hết tầm quan trọng của vấn đề này, cho nên văn chương ta nhiều khi nhàn nhạt, không đọng được lại trong trí nhớ và tâm hồn bạn đọc. Có phải tri trệ ấy là thói quen bằng lòng, là sự liêu lĩnh chưa thấy thông suốt rằng bỏ sức ra nghĩ được ý thì cũng đồng thời phải tìm cho kỳ được chữ đúng, chữ hay. Sai sót này thật tiếc thay, bởi cốt lõi là vì nó là cái kém cỏi mà chúng ta, những người sinh đẻ và nuôi nấng ngôn ngữ, những người hàng ngày làm việc và làm giàu cho ngôn ngữ mà lại vô tình, cứ yên tâm.

Nghĩ đến như thế, thật tình tôi lo, cái lo càng dai dẳng, thấm thía, day dứt hơn khi nhìn suốt thấy trách nhiệm trong công việc ngòi bút mà mình thấy chưa đủ sức, mà lại còn phí sức.

Sao mỗi chúng ta lại không lo - và không sung sướng, mỗi khi thử tìm xem trong tiếng ta có bao nhiêu tiếng của nghĩa là ăn, vài chục chữ là ít, có bao nhiêu tiếng tả các kiểu cười, vài chục chữ là ít. Nhìn tai ông Phật mà nói "tai ông Phật có thành quách", đấy là tiếng trong kinh Phật, thỉnh chuông, chú tiểu mới tập, tiếng hơi gần mạnh, gọi là "tiếng chuông dăng", - cũng là tiếng trong kinh Phật. Tôi đã sung sướng vô cùng vì sự phong phú kỳ lạ của những tiếng ấy, sao nó thần thế, thánh thế, ma thế! Lại chạnh nghĩ mình, hỏi mình đã tạo được bao nhiêu chữ thành chữ thần, nghề mình là nghề chữ, mình sống ở trên đời phục vụ người bằng chữ nghĩa cơ mà!

Tôi cũng thường nghĩ và cũng có những học tập về chữ nghĩa. Không có ý định nghiên cứu lý luận hay nhận xét gì, nhưng trước tiên bởi công việc bắt buộc mình phải nghĩ thế, làm thế.

Tiếng Việt là tiếng chấp chữ. Chúng ta có thể làm giàu bằng cách thêm chữ. Nhưng hầu như chỉ có cách duy nhất là tạo ra chữ mới. Bằng những tìm tòi làm cho sống lại chữ hay ở sách cũ và mới, ở tục ngữ ca dao, bằng cách tìm học tiếng ngành nghề, tiếng địa phương để phân tích, chọn lọc và tiêu chuẩn hóa nó, đưa nó lên địa vị toàn quốc, thổi vào hồn nó thành chữ có văn. Hàng ngày ta đi nhặt chữ trong làng ngoài chợ, ở người già, ở con trẻ như con gà đi kiếm ăn. Cuộc sống ngày nay, một ngày bằng một đời ngày trước, phong phú vô cùng. Sản xuất và chiến đấu càng lớn lao, thì nhất định sự tìm hiểu con người, tư tưởng, cả đến việc gom góp vốn chữ trong cuộc sống ấy cũng chắc chắn là giàu có, đặc sắc nhiều. Với tôi, mỗi lần đi thực tế, mỗi tháng ở Hà Nội, hay bất cứ đâu, mà không biết thêm được một số từ hay, thì tôi tự chữa sai sót ấy, không lần nữa, tôi phải làm thế nào, sục sạo thế nào, ở sách vở hay ở ngoài đời, cho có được thì mới yên lòng.

Cách kiến trúc câu, tức là cách chấp chữ hay thành câu hay, tôi thường để ý từ cách nói của người ta. Tôi tước đi lối viết theo câu sẵn quen bút hoặc theo cách đặt câu của văn nước ngoài. Ta thường dễ dàng viết theo câu sẵn nhiều hơn là cố gắng có sáng kiến xây dựng câu từ cách nói, từ cách bắt chuyện của mọi người. Từ cách làm việc có công phu đặt câu như thế sẽ đưa ta đến nhận ra một cách hết sức thú vị rằng câu văn chính là hình thức của nội dung, nội dung một ý nghĩ, một việc, nội dung miêu tả nhân vật, phong cảnh, một trường hợp của cuộc sống hiện thực, nội dung do cuộc sống mà có ấy không bao giờ xuất hiện hai lần. Cũng vì thế, từng câu từng chữ, cũng không bao giờ lặp lại, không bao giờ theo một cách, một điệu giống nhau. Nó cũng như nội dung, đượm những phong phú và muôn vẻ của cuộc sống.

Tôi nghiệm ra rằng mỗi lần định viết trong khi mình đã sửa soạn đầy đủ và vốn liếng chữ nghĩa trong tay đã giàu có, lúc ấy viết rất hoạt và bạo. Có thể thấy ngay những gì bấy lâu đã thu lượm được trong đời sống bấy giờ đã góp công sức nhiều cho sức mạnh sáng tạo.

Thế nhưng, những giờ phút đặt bút thên thang chưa nhiều, chưa phải là mỗi trang mỗi chữ đều đã có thần, mà sáng tác tôi đem đọc lại còn tự thấy những dòng trề trang, gầy gù, nghĩ đến đọc đến mà ngượng.

Tôi vẫn lẻo đẻo trên đường, lưng vốn chữ nghĩa chưa được mấy nả, lúc nào cũng chỉ như anh buôn hàng chuyển, chưa được trường vốn.

* * *

Những lúng túng ấy có thể không riêng tôi.

Tôi muốn bạn với những nhóm tìm chữ, chơi chữ, cùng nhau vào thực tế đời sống và sách vở để học chữ, tích lũy chữ, hội họp bàn luận, bình luận, cắt nghĩa chữ.

Từ lâu, tôi mong mỗi nên xuất bản những từ điển về từ địa phương, về từ các nghề. "Tự vị tiếng Việt miền Nam" của Vương Hồng Sển (Nhà xuất bản Văn hóa, 1993) thật bổ ích, đọc học được nhiều. Đố ai biết hết được từ chỉ cái nhà, những từ chỉ dụng cụ và công việc đơm đó, chài lưới ở cánh đồng, ở sông, ở biển.

Còn như việc chọn đưa những từ ấy thành từ toàn quốc, từ văn học thì từ những thế kỷ trước, cụ Nguyễn Du đã dạy chúng ta những bài học vỡ lòng.